

Bản án số: 1391/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Bà Phạm Thị Hồng Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4562/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Trung N, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 2.11 Chung cư B, phường N, quận D, Thành phố Hồ chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: P.804, Tầng 8, 151 F, Phường 6, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lưu Thị Thanh X (Lưu Thanh X Thi), sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: 3400 S Parkland Pl, Seattle, WA 98144, USA.

Địa chỉ liên lạc: 7929 Seward Park Ave S, Seattle, WA 98118, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Bản tự khai ngày 12 tháng 8 năm 2020 nguyên đơn ông Phan Trung N trình bày:

Ông và bà Lưu Thị Thanh X đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106 do Ủy ban nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2017. Sau khi kết hôn, bà Lưu Thị Thanh X trở về Hoa Kỳ, ông ở lại Việt Nam. Hiện nay ông và bà Lưu Thị Thanh X mỗi người sống một nơi, tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn bà Lưu Thị Thanh X.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 13 tháng 8 năm 2020 được Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ xác nhận ngày 13 tháng 8 năm 2020, bị đơn bà Lưu Thị Thanh X (Lưu Thanh X Thi) trình bày:

Bà đồng ý ly hôn với ông Phan Trung N vì hai bên sống xa cách, tình cảm không còn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án: Ông Phan Trung N là nguyên đơn hiện đang cư trú tại 2.11 Chung cư N, phường N, quận D, Thành phố Hồ chí Minh, bị đơn bà Lưu Thị Thanh X cư trú tại Hoa Kỳ. Do trong vụ án có nguyên đơn cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn cư trú ở nước ngoài nên căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Ông Phan Trung N và bà Lưu Thị Thanh X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Trung N, bà Lưu Thị Thanh X.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phan Trung N và bà Lưu Thị Thanh X (Lưu Thanh X Thi) tự nguyện

đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106 do Ủy ban nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2017 nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Trung N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi kết hôn, vợ chồng không chung sống với nhau, hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm nhau. Nay ông Phan Trung N xác nhận không còn tình cảm với bà Lưu Thị Thanh X nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, về phía bà Lưu Thị Thanh X cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Phan Trung N. Điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của ông Phan Trung N xin ly hôn bà Lưu Thị Thanh X là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Ông Phan Trung N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Phan Trung N và bà Lưu Thị Thanh X (Lưu Thanh X Thi).

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Ông Phan Trung N chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0092041 ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phan Trung N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND Q.D, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên